

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2025/HS-PT
Ngày 30 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tũu
ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 163/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Lê Trường L. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Trường L và kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2025/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2874/2025/QĐXXPT-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Trường L, sinh năm 1989, tại Thanh Hóa. Tên gọi khác: Không có; Số CCCD: 080089011670. Cấp ngày 01/02/2024. Nơi cấp: Cục C về TTXH. Nơi thường trú: Ấp T, xã H 3, huyện T (nay thuộc phường H, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1969; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; V là Hà Thị H1 sinh năm 1991; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 29/11/2024 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trường L: Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 – Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại có kháng cáo:

+ Công ty TNHH T2. Người đại diện: Ông Lê Minh T - Giám đốc. Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã A, huyện L (nay thuộc xã A, tỉnh Đồng Nai) (có mặt);

+ Công ty TNHH S1. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hiệp D - Giám đốc. Địa chỉ: Tổ D, khu C, thị trấn T, huyện T (nay thuộc xã T, tỉnh Đồng Nai) (có đơn xin vắng mặt);

+ Công ty TNHH T3. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung N - Giám đốc. Địa chỉ: 5, ấp T, xã H 3, huyện T (nay thuộc phường H, tỉnh Đồng Nai) (có đơn xin vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đức H2, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T (nay thuộc phường H, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 12/12/2021 đến ngày 19/01/2022, để có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Trường L đã nhiều lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bằng cách thức sử dụng tên giả là “Nguyễn Trung T1”, “Nguyễn Ngọc L1” để liên lạc qua điện thoại, email và làm giả, sử dụng tài liệu giả của Công ty TNHH E rồi đến các Công ty cơ khí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thỏa thuận ký hợp đồng gia công các sản phẩm cơ khí bằng sắt, nhôm, đồng và ký nhận hàng từ Công ty TNHH T3, Công ty TNHH S1, Công ty TNHH T2 rồi chiếm đoạt, không thanh toán tiền. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Khoảng tháng 12/2021, Lê Trường L sử dụng số điện thoại 0929.502.164 và tự giới thiệu tên “Nguyễn Trung T1” để liên lạc với ông Nguyễn Trung N – Giám đốc Công ty TNHH T3 đặt mua 20.000 sản phẩm *trục bánh răng bằng sắt thép*, với đơn giá mỗi sản phẩm là 3.719 đồng (chưa bao gồm 10% thuế GTGT). Sau khi thống nhất, ông N đã sản xuất được 10.000 sản phẩm, trị giá **40.909.000 đồng** (gồm 37.190.000 đồng tiền hàng và 10% thuế GTGT là 3.719.000 đồng). Ngày 21/12/2021, Công ty đã giao tất cả sản phẩm trên cho “Nguyễn Trung T1” thông qua tài xế công nghệ (không xác định được thông tin cá nhân) theo đề nghị của “Trường”. Nhưng sau đó, ông N không nhận được tiền thanh toán và không liên lạc được với “Trường” (thực tế người nhận hàng và điện thoại giao dịch với ông Nghĩa là bị cáo L). Đến ngày 04/7/2022, Lê Trường L sử dụng tài khoản ngân hàng N số 996599.040722.190312 chuyển 3.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng 0121000643977 của ông Nguyễn Trung N mở tại Ngân hàng V1 để thanh toán tiền đã mua 10.000 sản phẩm giao trước đó, còn lại

37.909.000 đồng thì L đã chiếm đoạt và không thanh toán cho ông Nguyễn Trung N.

- **Vụ thứ hai:** Trong quá trình giao dịch với ông Nguyễn Trung N, Lê Trường L hỏi mua thêm các sản phẩm cơ khí bằng nhôm nhưng ông N không có mặt hàng này nên đã giới thiệu và cho L số điện thoại của ông Trần Hiệp D – Giám đốc Công ty TNHH S1 để L liên hệ trao đổi. Sau khi có được số điện thoại của ông D, L tiếp tục sử dụng tên giả là “Nguyễn Trung T1” liên hệ qua điện thoại với ông D và thống nhất thỏa thuận đặt mua 4.000 miếng *tản nhiệt bằng nhôm*, trị giá 116.000.000 đồng của Công ty TNHH S1. Quá trình sản xuất, ông D đã giao 1.000 phôi sản phẩm thô (khoảng 147kg nhôm) trị giá 20.580.000 đồng cho L (với tên người nhận là “Nguyễn Trung T1”) thông qua tài xế xe công nghệ (không xác định được thông tin cá nhân). Ngoài ra, L đã sử dụng tên giả là “Nguyễn Ngọc L1” đến giám sát việc gia công và trực tiếp ký nhận thêm 1.000 sản phẩm thành phẩm trị giá 29.000.000 đồng từ ông D. Tổng giá trị là **49.850.000 đồng**. Đến khi bị ông D phát hiện tên “Nguyễn Ngọc L1” là giả thì bị cáo đã trả cho ông Danh số tiền 13.000.000 đồng còn lại số tiền 36.580.000 đồng thì L đã chiếm đoạt và không thanh toán cho ông Trần Hiệp D.

- **Vụ thứ ba:** Thông qua ông Trần Hiệp D, bị cáo L biết được số điện thoại của ông Lê Minh T – Giám đốc Công ty TNHH T2 nên đã tiếp tục sử dụng tên giả là Nguyễn Trung T1 và giả danh là nhân viên của Công ty TNHH E, địa chỉ: KCN Q, thị trấn C, huyện M, TP . liên hệ ký hợp đồng đặt mua các sản phẩm cơ khí của Công ty T2.

Sau đó, L đã lên mạng internet tải file *Hợp đồng kinh tế của Công ty TNHH E* (đã có mẫu dấu), rồi sử dụng phần mềm máy tính chỉnh sửa lại nội dung thành Hợp đồng giữa Công ty TNHH E (đã ký tên, đóng dấu sẵn) đặt mua hàng với Công ty TNHH T2 do ông Lê Minh T làm giám đốc. L gửi bản file Hợp đồng đã chỉnh sửa trên từ thư điện tử email của L: truongnguyen.elen@gmail.com đến email của ông T là tuanhienkhoa@gmail.com để ông T in hợp đồng và ký tên, đóng dấu xác nhận. Sau khi in hợp đồng, ông T ký tên, đóng dấu Công ty T2 lên *Hợp đồng giả*, rồi ông T scan lại *Hợp đồng giả* đã được ông T ký tên, đóng dấu Công ty T2 gửi file cho bị can L. Sau đó, L sử dụng tên giả “Nguyễn Trung T1” trao đổi với ông T là có nhân viên của Công ty TNHH E tên là Nguyễn Ngọc L1 sẽ đến giám sát gia công và trực tiếp nhận hàng từ Công ty T2.

Tin tưởng lời nói trên của L là thật, ông T đã sản xuất các sản phẩm theo *Hợp đồng giả* dưới sự giám sát và nhận hàng của L nhưng với tên giả là Nguyễn Ngọc L1 – nhân viên của Công ty TNHH E. Để tạo thêm lòng tin cho ông T, sau mỗi lần nhận hàng, L tiếp tục thực hiện làm giả bảng đối chiếu công nợ giữa Công ty TNHH E với Công ty TNHH T2 gửi cho ông T qua email. Do đó, ông T càng thêm tin tưởng và tiếp tục giao hàng cho bị cáo L với tên người nhận là Nguyễn Ngọc L1.

Với thủ đoạn trên, từ ngày 25/12/2021 đến tháng 19/01/2022, Lê Trường L đã 10 lần nhận hàng, ký tên trên phiếu nhận hàng với tên giả là Nguyễn Ngọc L1 tại Công ty T2, cụ thể :

- Ngày 25/12/2021, số lượng hàng hóa trị giá là 62.035.000 đồng.
- Ngày 30/12/2021, số lượng hàng hóa trị giá là 111.483.000 đồng.
- Ngày 03/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 57.402.000 đồng.
- Ngày 04/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 23.517.000 đồng.
- Ngày 06/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 28.431.000 đồng.
- Ngày 08/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 66.987.000 đồng.
- Ngày 10/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 95.445.000 đồng.
- Ngày 13/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 97.065.000 đồng.
- Ngày 18/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 14.496.000 đồng.
- Ngày 19/01/2022, số lượng hàng hóa trị giá là 15.996.000 đồng.

Tổng cộng số hàng hoá bao gồm: 327 tấm kim loại nhôm ký hiệu A6061 đã thành phẩm trị giá 92.527.400 đồng và 100 tấm kim loại đồng ký hiệu C3604 đã thành phẩm trị giá 480.330.000 đồng, tổng giá trị hàng hóa là **572.857.400 đồng**, Trong đó, L đã thanh toán trước được số tiền 18.600.000 đồng, số tiền 554.257.000 đồng còn lại L đã chiếm đoạt và không thanh toán cho ông T.

Số sản phẩm cơ khí bằng sắt, nhôm, đồng mà Nguyễn Trường L2 chiếm đoạt được của các bị hại trên, L2 đem đi bán lấy tiền trả nợ. Sau khi phát hiện Lê Trường L có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông Nguyễn Trung N, ông Trần Hiệp D và ông Lê Minh T đã làm đơn tố cáo Lê Trường L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ để điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 hộp đồng kinh tế giả và 01 bảng đối chiếu công nợ giả (công ty TNHH E) do Lê Trường L làm giả để đi lừa đảo.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 2530/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 15 tháng 05 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai, kết luận: 327 tấm kim loại nhôm ký hiệu A6061, đã thành phẩm tương đương 697,21 kg, có kích thước cao 10 cm, rộng 214 cm, dài 340 cm, có giá trị là 92.527.400 đồng; 100 tấm kim loại đồng ký hiệu C3604, đã thành phẩm tương đương 1779 kg, có kích thước cao 10 cm, dài 500 cm, có giá trị là 480.330.000 đồng. Tổng tài sản định giá là 572.857.400 đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 1518/KL-KTHS ngày 30/8/2024 và Bản kết luận giám định bổ sung số 1948/KL-KTHS ngày 22/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc L1 trên các biên bản giao nhận hàng hoá của Công ty TNHH T2 là do Lê Trường L ký và viết ra.

- Bản kết luận giám định số 2488/KL-KTHS ngày 11/12/2024 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Hình dấu tròn CÔNG TY TNHH E-M.S.D.N: 0105941011-C.T.T.N.H.H

– H. MÊ LINH – T.P HÀ NỘI trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn CÔNG TY TNHH E – M.S.D.N: 2500243660 – C.T.T.N.H.H- H. MÊ LINH – T.P HÀ NỘI trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Các hình dấu tròn trên tài liệu mẫu cần giám định được hình thành bằng phương pháp in màu.

+ Chữ ký, chữ viết ở phần đại diện bên mua trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A2) được hình thành bằng phương pháp in màu.

-Tại Công văn số 20220912/CV/ELT-CAND ngày 12/9/2022 của Công ty E, xác định: Công ty không có nhân viên tên Nguyễn Trung T1, Lê Trường L và Nguyễn Ngọc L1 và cung cấp mẫu con dấu của Công ty cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ để điều tra làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình do anh trai Lê Đức H2 bồi thường toàn bộ tổng số tiền **628.746.000 đồng** cho các bị hại bao gồm: ông Lê Minh T số tiền 554.257.000 đồng, ông Nguyễn Trung N số tiền 37.909.000 đồng và ông Trần Hiệp Danh S tiền 36.580.000 đồng. Các bị hại nêu trên đã có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Trường L và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2025/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố bị cáo Lê Trường L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:

Xử phạt bị cáo **Lê Trường L 12 (mười hai) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **03 (ba) năm tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; **06 (sáu) tháng tù** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **15 (mười lăm năm) 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2025, bị cáo Lê Trường L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/7/2025, đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Trường L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về hình thức đúng quy định pháp luật, về thời gian đúng thời gian quy định nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị hại cũng có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo cũng đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trường L và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, xét thấy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D1 trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Trường L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mức án 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là quá nặng. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 02 con nhỏ, bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Bị cáo Lê Trường L trình bày: Bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư và của bị cáo.

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Lê Trường L, đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D: Đơn kháng cáo của bị cáo và đại diện hợp pháp của các bị hại được làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Trường L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, căn cứ vào các lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác đã có đủ cơ sở xác định: Để có tiền trả nợ và tiêu xài, từ ngày 12/12/2021 đến ngày 19/01/2022, bị cáo đã có hành vi sử dụng tên giả là Nguyễn Trung T1, Nguyễn Ngọc L1, lấy giả danh là nhân viên công ty để làm quen, giao dịch với các bị hại; lập hợp đồng kinh tế giả với tên pháp nhân là Công ty TNHH E; làm các bảng đối chiếu công nợ giả, phiếu nhận hàng giả, tạo ra kịch bản làm ăn kinh tế với các bị hại. Do tin lời nói gian dối của bị cáo và tin vào tài liệu, giấy tờ bị cáo cung cấp là thật nên các bị hại đã ký hợp đồng gia công các sản phẩm cơ khí trên bằng sắt, nhôm, đồng và ký nhận hàng từ Công ty TNHH T3, Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH T2 rồi chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 663.346.000đ. Cụ thể, chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH T2 do ông Lê Minh T là đại diện theo pháp luật - Giám đốc số tiền 572.857.000đ; Chiếm đoạt của Công ty TNHH S2 tiền 49.580.000đ; Chiếm đoạt của Công ty TNHH T3 40.909.000đ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Trường L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341 và điểm b khoản 3 Điều

341 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; không những xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của nhà nước về con dấu, tài liệu, giấy tờ mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Trường L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét cho bị cáo tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo như:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có bố vợ là ông Hà Sơn H3 được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, 03 bị hại kháng cáo thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này bị cáo chiếm đoạt số tiền trên 600.000.000 đồng, quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho bị hại. Do đó mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc, hơn nữa các bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Các mức hình phạt của các tội danh khác được giữ nguyên.

[5] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã phân tích tại mục [4], căn cứ vào tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy mức án 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có lời bào chữa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[8] Các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật để thi hành.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Trường L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trường L. Chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của các bị hại là ông Lê Minh T, ông Nguyễn Trung N và ông Trần Hiệp D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2025/HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Trường L.

Tuyên xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Trường L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”:

Xử phạt bị cáo **Lê Trường L 08 (tám) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **03 (ba) năm tù** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; **06 (sáu) tháng tù** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2024.

2. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trường L để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Trường L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đồng Nai; (2)
- VKSND tỉnh Đồng Nai; (1)
- Công an tỉnh Đồng Nai; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai; (1)
- THADS tỉnh Đồng Nai; (1)
- TTG số 1 - Công an tỉnh Đồng Nai; (2)
- (Tổng đạt cho bị cáo);
- Đại diện hợp pháp của các bị hại;
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT). (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

